

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên vừa làm vừa học khoá 56

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTM ngày 22/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 961/QĐ-ĐHTM ngày 06/6/2023;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên vừa làm vừa học ngày 05/6/2026;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp trình độ đại học cho 88 sinh viên vừa làm vừa học khoá 56 ngành Quản trị kinh doanh (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng: Quản lý đào tạo, Kế hoạch Tài chính, Công tác sinh viên, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Viện trưởng Viện Quản trị kinh doanh; các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/cáo);
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THƯƠNG MẠI

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC KHOA 56
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH/CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
(Kèm theo Quyết định số 1339/QĐ-DHTM ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

ST T	TT	MA SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCTL	Tổng số TCTL	Đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Hoàn thành chương trình GDTC	Hoàn thành chương trình Giáo dục QPAN	Đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
I. Lớp K56DQ1															
1	1	20K210001	Đặng Văn	Anh	Nữ	03/07/2002	K56DQ1	3,17	121	x	x	x	x	x	Khá
2	2	21E100001	Trần Việt	Anh	Nam	02/09/1993	K56DQ1	2,74	120	x	x	x	x	x	Khá
3	3	21E100002	Hoàng Thị	Bích	Nữ	08/03/1998	K56DQ1	3,13	120	x	x	x	x	x	Khá
4	4	21E100017	Trần Thị	Hiền	Nữ	26/05/1999	K56DQ1	3,16	120	x	x	x	x	x	Khá
5	5	21E100005	Vũ Quang	Hiệp	Nam	31/03/1983	K56DQ1	2,74	120	x	x	x	x	x	Khá
6	6	21E100006	Nguyễn Mạnh	Hung	Nam	26/11/1992	K56DQ1	2,74	120	x	x	x	x	x	Khá
7	7	21E100008	Đinh Văn	Nam	Nam	22/08/1984	K56DQ1	2,97	120	x	x	x	x	x	Khá
8	8	21E100012	Nguyễn Hữu	Tiến	Nam	10/01/1996	K56DQ1	2,77	120	x	x	x	x	x	Khá
9	9	21E100013	Đỗ Cẩm	Tú	Nữ	21/10/1999	K56DQ1	2,83	120	x	x	x	x	x	Khá
10	10	20K670195	Nguyễn Đình	Tuân	Nam	30/01/2002	K56DQ1	2,93	120	x	x	x	x	x	Khá
11	11	21E100018	Nguyễn Văn Duy	Tùng	Nam	02/12/1993	K56DQ1	2,91	120	x	x	x	x	x	Khá
12	12	21E100016	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	06/05/1998	K56DQ1	3,06	120	x	x	x	x	x	Khá
13	13	21E100015	Trương Thị Hồng	Yến	Nữ	11/10/1984	K56DQ1	3,00	120	x	x	x	x	x	Khá
II. Lớp K56DQ2															
14	1	21K630010	Chu Thị Minh	Anh	Nữ	27/09/2003	K56DQ2	2,50	120	x	x	x	x	x	Khá
15	2	20K610006	Lê Minh	Anh	Nữ	19/05/2002	K56DQ2	3,02	120	x	x	x	x	x	Khá
16	3	20K610007	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	12/01/2002	K56DQ2	3,01	120	x	x	x	x	x	Khá
17	4	20K610008	Mai Thị Thục	Anh	Nữ	05/01/2002	K56DQ2	3,22	121	x	x	x	x	x	Giỏi
18	5	21K620012	Nguyễn Châu	Anh	Nữ	13/01/2003	K56DQ2	2,48	120	x	x	x	x	x	Trung bình
19	6	21K620021	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	03/03/2003	K56DQ2	2,85	120	x	x	x	x	x	Khá
20	7	20K681005	Nguyễn Việt	Anh	Nữ	15/04/2002	K56DQ2	3,15	120	x	x	x	x	x	Khá
21	8	20K610019	Uông Thị Quỳnh	Anh	Nữ	05/09/2002	K56DQ2	2,94	120	x	x	x	x	x	Khá
22	9	18K640017	Đinh Thị Mai	Anh	Nữ	27/10/2000	K56DQ2	2,35	120	x	x	x	x	x	Trung bình
23	10	21K630020	Nguyễn Đặng Minh	Châu	Nữ	20/08/2003	K56DQ2	2,81	120	x	x	x	x	x	Khá
24	11	19K660009	Vũ Quốc	Đạt	Nam	02/06/2001	K56DQ2	2,41	120	x	x	x	x	x	Trung bình
25	12	21K620004	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	26/11/2003	K56DQ2	2,61	120	x	x	x	x	x	Khá
26	13	20K640044	Trần Ngọc	Hà	Nữ	10/10/2002	K56DQ2	2,98	120	x	x	x	x	x	Khá
27	14	21K640028	Trần Thị	Hà	Nữ	19/01/2003	K56DQ2	2,90	120	x	x	x	x	x	Khá
28	15	20K640051	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	13/09/2002	K56DQ2	2,72	120	x	x	x	x	x	Khá
29	16	20K520068	Lưu Hưng	Hiếu	Nam	10/08/2002	K56DQ2	2,66	120	x	x	x	x	x	Khá
30	17	17K620028	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	25/09/1999	K56DQ2	2,44	120	x	x	x	x	x	Trung bình
31	18	20K610083	Nguyễn Ngọc	Hiếu	Nam	26/01/2002	K56DQ2	2,87	120	x	x	x	x	x	Khá
32	19	21E100114	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	03/08/1999	K56DQ2	2,45	120	x	x	x	x	x	Trung bình
33	20	21K640033	Phan Văn	Hiếu	Nam	01/10/2003	K56DQ2	2,49	120	x	x	x	x	x	Trung bình
34	21	20K670078	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	Nữ	09/11/2002	K56DQ2	3,04	120	x	x	x	x	x	Khá
35	22	20K540060	Trần Thị	Huệ	Nữ	15/04/2002	K56DQ2	2,90	120	x	x	x	x	x	Khá
36	23	20K630025	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	16/07/2002	K56DQ2	2,67	120	x	x	x	x	x	Khá
37	24	20K630026	Mai Thế	Hùng	Nam	13/05/2002	K56DQ2	2,75	120	x	x	x	x	x	Khá
38	25	18K640063	Đỗ Thu	Hương	Nữ	06/09/2000	K56DQ2	2,47	120	x	x	x	x	x	Trung bình
39	26	19K640048	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	24/01/2001	K56DQ2	2,69	120	x	x	x	x	x	Khá
40	27	20K640069	Hoàng Thị Thúy	Hương	Nữ	21/03/2002	K56DQ2	3,01	120	x	x	x	x	x	Khá
41	28	21E100119	Nguyễn Văn	Huy	Nam	13/12/1991	K56DQ2	2,39	120	x	x	x	x	x	Trung bình
42	29	20K630032	Đỗ Thu	Huyền	Nữ	04/06/2002	K56DQ2	2,68	120	x	x	x	x	x	Khá
43	30	20K630033	Nguyễn Gia	Khiêm	Nam	21/10/2002	K56DQ2	2,44	120	x	x	x	x	x	Trung bình
44	31	20K620084	Doãn Trọng	Khiêm	Nam	11/09/2002	K56DQ2	2,64	120	x	x	x	x	x	Khá
45	32	20K610117	Đinh Ngọc	Lâm	Nam	08/02/2002	K56DQ2	3,00	120	x	x	x	x	x	Khá

ST T	TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCTL	Tổng số TCTL	Đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Hoàn thành chương trình GDTC	Hoàn thành chương trình Giáo dục QPAN	Đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
46	33	21K630068	Đặng Thị Mỹ	Lệ	Nữ	09/07/2003	K56DQ2	2,75	120	x	x	x	x	Khá	
47	34	20K630038	Mai Diệu	Linh	Nữ	31/10/2001	K56DQ2	2,40	120	x	x	x	x	Trung bình	
48	35	20K660069	Nguyễn Trần Phương	Linh	Nữ	03/08/2002	K56DQ2	2,97	120	x	x	x	x	Khá	
49	36	20K610134	Thái Thuý	Linh	Nữ	26/06/2002	K56DQ2	3,00	120	x	x	x	x	Khá	
50	37	18K640104	Phạm Thị	Loan	Nữ	08/07/2000	K56DQ2	2,72	120	x	x	x	x	Khá	
51	38	20K630043	Đỗ Hoàng	Long	Nam	09/10/2002	K56DQ2	2,17	120	x	x	x	x	Trung bình	
52	39	20K620103	Nguyễn Đức	Long	Nam	09/02/2000	K56DQ2	3,12	120	x	x	x	x	Khá	
53	40	18K660062	Nguyễn Hữu	Long	Nam	27/02/2000	K56DQ2	2,46	120	x	x	x	x	Trung bình	
54	41	19K610073	Vũ Hải	Long	Nam	03/06/2000	K56DQ2	2,42	121	x	x	x	x	Trung bình	
55	42	20K210062	Dương Khánh	Ly	Nữ	30/03/2002	K56DQ2	2,85	120	x	x	x	x	Khá	
56	43	21E100127	Nguyễn Thị Xuân	Ly	Nữ	07/09/2003	K56DQ2	3,02	120	x	x	x	x	Khá	
57	44	20K660074	Trần Khánh	Ly	Nữ	26/03/2002	K56DQ2	3,00	120	x	x	x	x	Khá	
58	45	21K610129	Nguyễn Thị	Lý	Nữ	03/04/2003	K56DQ2	2,31	120	x	x	x	x	Trung bình	
59	46	18K670042	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	26/03/2000	K56DQ2	2,32	120	x	x	x	x	Trung bình	
60	47	20K640111	Trần Ngọc	Minh	Nữ	03/11/2002	K56DQ2	3,01	120	x	x	x	x	Khá	
61	48	20K620121	Trịnh Xuân	Nam	Nam	12/06/2002	K56DQ2	2,93	120	x	x	x	x	Khá	
62	49	20K620123	Nguyễn Thu	Nga	Nữ	10/06/2002	K56DQ2	2,76	120	x	x	x	x	Khá	
63	50	18K640125	Trịnh Diệu	Ngân	Nữ	15/07/2000	K56DQ2	2,69	120	x	x	x	x	Khá	
64	51	20K620133	Nguyễn Hạnh	Nguyễn	Nữ	03/12/2002	K56DQ2	2,65	120	x	x	x	x	Khá	
65	52	21K610159	Nguyễn Minh	Nguyễn	Nữ	05/08/2003	K56DQ2	3,20	120	x	x	x	x	Giỏi	
66	53	20K610171	Vũ Thị Thanh	Nhân	Nữ	05/08/2002	K56DQ2	2,84	120	x	x	x	x	Khá	
67	54	20K630063	Đặng Thị Linh	Nhi	Nữ	07/08/2002	K56DQ2	2,72	120	x	x	x	x	Khá	
68	55	20K630118	Phạm Thị	Nhung	Nữ	16/08/2002	K56DQ2	3,24	120	x	x	x	x	Giỏi	
69	56	20D180059	Anouvang	NOUANSY	Nam	20/09/2001	K56DQ2	2,32	121	x	x	x	x	Trung bình	
70	57	20D180058	Xayaphone	PAVANKHETH	Nam	01/02/2002	K56DQ2	2,40	120	x	x	x	x	Trung bình	
71	58	20K610185	Nguyễn Quang	Quân	Nam	18/03/2002	K56DQ2	2,60	120	x	x	x	x	Khá	
72	59	21E100135	Đỗ Thị	Quyên	Nữ	27/08/2003	K56DQ2	2,91	120	x	x	x	x	Khá	
73	60	18K660083	Vũ Phương	Quỳnh	Nữ	19/04/2000	K56DQ2	2,48	120	x	x	x	x	Trung bình	
74	61	21K620116	Kiều Ngọc	Tân	Nam	09/06/2003	K56DQ2	2,53	120	x	x	x	x	Khá	
75	62	21K610182	Vũ Minh	Thắng	Nam	11/06/2003	K56DQ2	2,28	120	x	x	x	x	Trung bình	
76	63	20K610200	Nguyễn Thị Phương	Thanh	Nữ	07/11/2002	K56DQ2	3,01	120	x	x	x	x	Khá	
77	64	20K630069	Giáp Văn	Thành	Nam	09/11/2002	K56DQ2	2,83	120	x	x	x	x	Khá	
78	65	20K620157	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	17/04/2002	K56DQ2	2,76	120	x	x	x	x	Khá	
79	66	20K680134	Bùi Thị	Thúy	Nữ	31/10/2002	K56DQ2	2,85	120	x	x	x	x	Khá	
80	67	20K620166	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	15/09/2002	K56DQ2	2,89	120	x	x	x	x	Khá	
81	68	21E100140	Hoàng Thị	Thúy	Nữ	09/01/2003	K56DQ2	3,04	120	x	x	x	x	Khá	
82	69	20K210088	Phạm Thủy	Tiên	Nữ	11/03/2002	K56DQ2	2,76	120	x	x	x	x	Khá	
83	70	21E100141	Mai Văn	Tiến	Nam	04/09/1993	K56DQ2	2,79	120	x	x	x	x	Khá	
84	71	20K620171	Đoàn Thu	Trang	Nữ	25/02/2002	K56DQ2	2,67	120	x	x	x	x	Khá	
85	72	21K640106	Nguyễn Văn	Trang	Nữ	28/04/2003	K56DQ2	2,85	120	x	x	x	x	Khá	
86	73	19K670114	Vũ Thị Thủy	Trang	Nữ	30/10/2001	K56DQ2	2,59	120	x	x	x	x	Khá	
87	74	21E100149	Bùi Đức	Việt	Nam	21/06/2003	K56DQ2	2,74	120	x	x	x	x	Khá	
88	75	21E100150	Vũ Văn	Vinh	Nam	20/09/2000	K56DQ2	3,12	120	x	x	x	x	Khá	

Ghi chú:

Điểm TBCTL: Điểm trung bình chung tích lũy

Tổng số TCTL: Tổng số tín chỉ tích lũy

GDTC: Giáo dục thể chất

Giáo dục QPAN: Giáo dục Quốc phòng - An ninh

CNTT: Công nghệ thông tin

